TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2021
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Đinh Thị Hồng Hà
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường
  Ông Nguyễn Văn Hải
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Khuất Cao Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu tham gia phiên toà****:* Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 602/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HPT ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị T, sinh năm 1981 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)
  Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường A, phường B, thành phố C, tỉnh D.
  Nơi cư trú: Đường M, phường N, thành phố C, tỉnh D.
- ***Bị đơn:*** Ông Lê Quang H, sinh năm 1982 (vắng mặt tại phiên tòa)
  Nơi cư trú: Đường A, phường B, thành phố C, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2021, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Quang H kết hôn ngày 14-3-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Việc kết hôn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Thời gian đầu bà và ông H sống hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó từ năm 2017 ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống gia đình, ông H không quan tâm đến với vợ con, bỏ mặc cho bà lo lắng về chuyện kinh tế, nuôi dạy con cái, Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Ông bà đã nhiều lần tìm cách hòa giải

nhưng không được. Tình trạng ngày càng trầm trọng và không thể hòa hợp với nhau trên mọi phương diện cuộc sống. Nên bà nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ hai người và ảnh hưởng đến tinh thần con cái. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang H.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Lê Trần Thụy N, sinh ngày 08//2009 và Lê Trần Thụy Nh, sinh ngày 08/6/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Lê Quang H đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, ông H đều vắng mặt không có lý do và không thể hiện ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ngày 05-11-2021, bà T có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu như đã thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy 3 định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có lời khai gửi Toà án và không đến Toà án giải quyết vì vậy Toà án không lấy được lời khai của ông H và không tiến hành hoà giải được vụ án ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T. Về con chung, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, và nợ chung, bà T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Quang H có địa chỉ cư trú tại 124 Chu Mạnh Trinh, Phường 8, thành phố Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị T có đơn xin xử vắng mặt, ông Lê Quang H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. ***Về nội dung*****:**

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị T và ông Lê Quang H chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định ông H không quan tâm đến vợ con, bỏ mặc cho bà lo lắng về chuyện kinh tế, nuôi dạy con cái, không làm tròn trách nhiệm của người chồng và người cha. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng ông H không có ý kiến và đều vắng mặt không lý do. Qua đó thể hiện ông H không thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, thiếu ý thức, trách nhiệm xây dựng cuộc sống gia đình. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tồn tại kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*: Bà T và ông H có 02 con chung là Lê Trần Thụy N, sinh ngày 08//2009 và Lê Trần Thụy Nh, sinh ngày 08/6/2015. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay bà T đang kinh doanh tự do, thu nhập 10 triệu đồng/tháng. Cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay cháu N và cháu Nh đang được bà T trực tiếp chăm sóc. Vì vậy, nguyện vọng được nuôi con của bà T là chính đáng. Ông H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T và ông H không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3]. ***Về án phí*****:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 220; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Lê Quang H. Bà T được ly hôn ông H.

2. Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Lê Trần Thụy N, sinh ngày 08//2009 và Lê Trần Thụy Nh, sinh ngày 08/6/2015. Giao hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Lê Quang H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Ông Lê Quang H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lê Quang H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003974 ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T và ông Lê Quang H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án Dân sự TP VũngTàu;
- UBND Xã Quảng Phú, H. Quảng Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Hồng Hà